

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 148/2023/DS-PT

Ngày: 19-4-2023

V/v tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất; hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất; hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất; hợp đồng vay tài sản và hủy văn bản công chứng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Ngọc Yến

Các Thẩm phán:

Bà Huỳnh Thị Hồng Vân

Ông Đặng Văn Nhữn

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Chiêu Linh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Cẩm Chi – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 12 và 19 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 595/2022/TLPT-DS ngày 30 tháng 12 năm 2022, về việc “*Tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất; hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất; hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất; hợp đồng vay tài sản và hủy văn bản công chứng*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 209/2022/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện ĐH bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 36/2023/QĐ-PT ngày 06 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1. Bà Võ Thị C, sinh năm 1947.

1.2. Ông Võ Văn G, sinh năm 1962.

1.3. Ông Võ Văn G1, sinh năm 1964.

Cùng địa chỉ: Ấp Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An.

1.4. Ông Võ Thành G2, sinh năm 1950.

Địa chỉ: Khóm M, thị trấn M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

1.5. Bà Võ Thị G3, sinh năm 1952.

Địa chỉ: Ấp 1, xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh.

1.6. Bà Võ Thị G4, sinh năm 1957.

Địa chỉ: Ấp Trung, xã Tân Thông Hội, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

1.7. Ông Võ Văn N, sinh năm 1968.

Địa chỉ: Ấp B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An.

1.8. Bà Võ Thị Kim H, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Ấp D, xã Đ, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Võ Thành G2, bà Võ Thị G3 và ông Võ Văn N: Ông Nguyễn H, sinh năm 1979.

Địa chỉ: C1/24 P, xã B, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh (theo các văn bản ủy quyền ngày 11/8/2022).

2. *Bị đơn*: Ông Võ Văn T, sinh năm 1970.

Địa chỉ: Ấp Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền của ông T: Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1960.

Địa chỉ: Số C Ấp B, xã L, thành phố T, tỉnh Long An.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Hữu Tr, sinh năm 1996.

Địa chỉ: Số A ấp B, xã L, thành phố T, tỉnh Long An.

3. *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan*:

3.1. Bà Trần Thị Kim L, sinh năm 1971.

Địa chỉ: Số 3C 64/9 ấp C, xã P, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.2. Bà Châu Hồng H1, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Ấp L, xã L, huyện Đ, tỉnh Long An.

3.3. Văn phòng công chứng số 4.

3.4. Ủy ban nhân dân huyện ĐH do ông Lê Trường C, Chủ tịch đại diện theo pháp luật.

Trụ sở: Ô7, Khu B, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Long An.

3.4. Ngân hàng A, chi nhánh huyện Đ.

Địa chỉ: Ô5, Khu B, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Long An.

3.5. Ủy ban nhân dân xã Đ

Địa chỉ: Ấp T, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An.

- *Người kháng cáo*: Nguyên đơn ông Võ Thành G2, bà Võ Thị G3, ông Võ Văn N; Bị đơn ông Võ Văn T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện đề ngày 21 tháng 7 năm 2011, đơn khởi kiện bổ sung ngày 20 tháng 10 năm 2012 và đơn yêu cầu năm 2013 và những lời trình bày tiếp theo tại Tòa án và tại phiên tòa do ông Nguyễn H đại diện ông Võ Thành G2, bà Võ Thị G3 và ông Võ Văn N trình bày:

Cha các ông bà Võ Thành G2, bà Võ Thị G3 và ông Võ Văn N tên cụ Võ Văn N1 sinh năm 1924 chết năm 2007 và cụ Nguyễn Thị R sinh năm 1925 chết năm 2010. Các cụ sinh được 09 người con tên: 1. Võ Thị Cam; 2. Võ Thành G2; 3. Võ Thị G3; 4. Võ Thị G4; 5. Võ Văn G; 6. Võ Văn G1; 7. Võ Văn N; 8. Võ Văn T và 9. Võ Thị Kim H. Cụ N1 và cụ R không có con riêng. Các cụ lúc còn sống có tạo lập được khối di sản là quyền sử dụng đất 26.898 m² thuộc các thửa 21, 349, 400, 405, 446, 448, 449, 450, 452, 532, 549 tờ bản đồ số 4 và 10 xã Đ, huyện ĐH, tỉnh Long An được UBND huyện ĐH cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho cụ Võ Văn N1 đứng tên ngày 29/01/1997. Ngày 24/4/2004, cụ N1 có tặng cho ông Võ Văn T và Bà Võ Thị C các thửa 21, 446, 450, 452 tờ bản đồ số 4 và 10 xã Đ. Do đó diện tích trong giấy còn lại 14.407m² **nhưng đo đạc thực tế là 14.578,3 m²** thuộc các thửa 349, 400, 405, 448, 449, 532, 549 tờ bản đồ số 10 xã Đ, huyện ĐH, tỉnh Long An. Ngày 05/4/2008, các ông Bà Võ Thị C, Võ Văn G, Võ Văn T và cụ Nguyễn Thị R đến Văn phòng công chứng số 4, tỉnh Long An (nay là Văn phòng công chứng Võ Văn N2) lập Văn bản thỏa thuận phân chia di sản có nội dung các ông bà Võ Văn T, Võ Thị Cam và Võ Văn G nhường toàn bộ kỷ phần là quyền sử dụng đất do thuộc di sản cụ N1 chết để lại cho cụ Nguyễn Thị R đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Cụ R được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 29/5/2008 tại 03 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: 1. phần đất nông nghiệp diện tích 10.260m² thuộc các thửa 349, 400, 405, 449 và 448 tờ bản đồ số 10 xã Đ, huyện ĐH, tỉnh Long An, giấy số AM 722102 **diện tích đo đạc thực tế là 10.471,3m²**; 2. Phần đất vườn diện tích 4.020m² thuộc thửa 549 tờ bản đồ số 10 xã Đ, huyện ĐH, tỉnh Long An, giấy số 722101 diện tích **đo đạc thực tế là 3980m²**; 3. Phần đất thổ diện tích 127m² thuộc thửa 532 tờ bản đồ số 10 xã Đ, huyện ĐH, tỉnh Long An, giấy số AM 722100. Ngày 14/6/2008, cụ R lập Hợp đồng tặng cho toàn bộ quyền sử dụng đất tại các thửa 349, 400, 405, 449, 448, 549 và 532 tờ bản đồ số 10 xã Đ, huyện ĐH, tỉnh Long An. Ngày 16/6/2008, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện ĐH chỉnh lý biến động tất cả các thửa đất trên cho ông Võ Văn T đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ngày 15/8/2009, ông Võ Văn T ký hợp đồng chuyển nhượng toàn bộ diện tích 14.407m² đất tại các thửa 349, 400, 405, 449, 448, 549 và 532 tờ bản đồ số 10 xã Đ, huyện ĐH, tỉnh Long An sang cho bà Trần Thị Kim L với hình thức giả cách vay 350.000.000 đồng (Ba trăm năm mươi triệu đồng). Ngày 26/10/2010, UBND huyện ĐH ban hành quyết định 13654/QĐ-UBND ngày 26/10/2010 cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Trần Thị Kim L 03 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất BC 769947, BC 769948, BC 769949. Các nguyên đơn cho rằng cụ R là người không biết chữ. Tại thời điểm ký “*Văn bản thỏa thuận phân chia di sản*” ngày 05/4/2008 cụ R đã 83 tuổi nhận thức và điều khiển hành vi bị hạn chế, không có người làm chứng để ký văn bản này. Sau đó cụ R ký hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất với ông T thì trong hợp đồng không ai làm chứng, cụ R đã 83 tuổi cũng không biết chữ. Ông T đã lừa dối cụ R đến Phòng công chứng để ký các văn bản nói trên là trái luật. Tại thời điểm ký, ông T đã che giấu 06 người thừa kế. Mặc dù phần đất này các nguyên đơn đã được cha mẹ tương phân trước khi chết mỗi người 1.000m².

Các nguyên đơn có yêu cầu:

1. Vô hiệu văn bản thỏa thuận phân chia di sản ngày 05/4/2008 do Phòng công chứng số 4, tỉnh Long An chứng thực giữa các ông Bà Võ Thị C, Võ Văn T, Võ Văn G và Nguyễn Thị R số chứng thực 1196, quyền số 01 TP/CC – SCC/TK.

2. Hủy 03 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Nguyễn Thị R được cấp ngày 29/05/2008 tại các thửa 349, 400, 405, 449, 448, 532 và 549 tờ bản đồ số 10, xã Đ, huyện ĐH, tỉnh Long An.

3. Vô hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa bà Nguyễn Thị R với ông Võ Văn T ngày 14/6/2008 được UBND xã Đ chứng thực tại các thửa 349, 400, 405, 449, 448, 532 và 549 tờ bản đồ số 10, xã Đ, huyện ĐH, tỉnh Long An.

4. Hủy thông tin chỉnh lý biến động ngày 16/6/2008 từ bà Nguyễn Thị R sang ông Võ Văn T các thửa 349, 400, 405, 449, 448, 532 và 549 tờ bản đồ số 10, xã Đ, huyện ĐH, tỉnh Long An.

5. Hủy Hợp đồng chuyển nhượng giữa bà Trần Thị Kim L với ông Võ Văn T ngày 15/8/2009 do Văn phòng công chứng số 4 tỉnh Long An chứng thực các thửa 349, 400, 405, 449, 448, 532 và 549 tờ bản đồ số 10, xã Đ, huyện ĐH, tỉnh Long An.

6. Hủy các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC 769948, BC 769949 và BC 769949 do UBND huyện ĐH cấp ngày 23/6/2010 cho bà Trần Thị Kim L.

7. Phân chia thừa kế di sản cụ N1 và cụ R chết để lại gồm các thửa các thửa 349, 400, 405, 449, 448, 532 và 549 tờ bản đồ số 10, xã Đ, huyện ĐH, tỉnh Long An.

8. Công nhận tính hợp pháp của Văn bản thỏa thuận ngày 30/3/2016 giữa các ông Bà Võ Thị C, Võ Thành G2, Võ Thị G3, Võ Thị G4, Võ Văn G1, Võ Văn G, Võ Văn N và bà Võ Thị Kim H.

Các nguyên đơn còn lại bà Võ Thị G4 và bà Võ Thị Kim H vắng mặt: có lời trình bày thống nhất với ý kiến của ông H đại diện cho bà G3, ông G2 và ông N trình bày nêu trên.

Các nguyên đơn còn lại Võ Thị Cam, Võ Văn G và Võ Văn G1: đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần không đến không trình bày ý kiến gì về việc giải quyết vụ án cho Tòa án.

2. Bị đơn ông Võ Văn T do ông Nguyễn Văn T1 đại diện trình bày:

Thừa nhận về mối quan hệ huyết thống giữa ông Võ Văn T với các ông Bà Võ Thị C; Võ Thành G2; Võ Thị G3; Võ Thị G4; Võ Văn G; Võ Văn G1; Võ Văn N và Võ Thị Kim H là anh chị em ruột. Nguồn gốc đất diện tích 14.407m² **do đặc thực tế là 14.578,3 m²** thửa 349, 400, 405, 449, 448, 532 và 549 tờ bản đồ số 10, xã Đ, huyện ĐH, tỉnh Long An là của cha ông T tên cụ Võ Văn N1 và cụ Nguyễn Thị R chết để lại. Cha ông T cụ N1 chết 2007. Ngày 05/8/2008, mẹ ông T là cụ Nguyễn Thị R cùng với ông T, bà C và ông G đến Văn phòng công chứng số 4, tỉnh Long An lập “*Văn bản thỏa thuận phân chia di sản*” thống nhất để cho cụ Nguyễn Thị R được đứng tên 03 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 7722100, số AM 7722101 và AM 7722102 do UBND huyện ĐH cấp ngày 25/8/2008. Ngày 16/6/2008, cụ Nguyễn Thị R tặng cho toàn bộ diện tích đất 14.407m² (diện tích **do thực tế là 14.578,3m²**) cho ông Võ Văn T. Ngày 16/6/2008, Phòng tài nguyên và môi trường huyện ĐH đã chỉnh lý biến động trên 03 giấy chứng nhận quyền sử

dụng đất từ cụ Nguyễn Thị R sang ông Võ Văn T. Năm 2010, cụ Nguyễn Thị R chết. Phần di sản cụ N1 đã chuyển giao cho cụ R. Cụ R đã tặng cho toàn bộ diện tích 14.407m² (diện tích **đỏ thực tế là 14.578,3m²**) cho ông Võ Văn T nên cụ R và cụ N1 không còn di sản để phân chia cho anh em. Ông T không đồng ý yêu cầu hủy văn bản công chứng “*Văn bản thỏa thuận phân chia di sản*” vì đây là văn bản được cơ quan có thẩm quyền công chứng chứng thực hợp pháp. Cụ R cũng được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đúng quy định. Sau khi cụ R được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cụ R đã tặng cho quyền sử dụng đất với ông Võ Văn T ngày 14/6/2008 là đúng ý chí của cụ R. Hợp đồng tặng cho được UBND xã Đ chứng thực đúng quy định. Vì vậy mà ông T không đồng ý với các yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn nêu trên. Ngoài ra yêu cầu khởi kiện các nguyên đơn đã được giải quyết tại bản án dân sự sơ thẩm số 91/2013/DS-ST ngày 15/7/2013 và được giải quyết tại bản án dân sự phúc thẩm số 367/2014/DS-PT ngày 21/11/2014. Quyết định của bản án phúc thẩm nêu: “*Giao quyền sử dụng đất 8/9 di sản gồm các thửa đất 349, 400, 405, 448, 449, 532, 549 tờ bản đồ số 10 xã Đ, huyện ĐH, tỉnh Long An có diện tích qua đo đạc thực tế cho các nguyên đơn: Võ Thị Cam; Võ Thành G2; Võ Thị G3; Võ Thị G4; Võ Văn G; Võ Văn G1; Võ Văn N; và Võ Thị Kim H do được hưởng thừa kế theo pháp luật di sản cụ Võ Văn N1, Nguyễn Thị R. Còn lại 1/9 di sản thuộc kỷ phần của ông Võ Văn T thì các đương sự tiếp tục quản lý. Nếu sau này ông T có yêu cầu chia thừa kế sẽ được giải quyết bằng vụ án dân sự khác nếu thời hiệu vẫn còn. Vị trí đất theo Mảnh trích đo địa chính do công ty TNHH đo đạc nhà đất HP lập được Phòng tài nguyên môi trường huyện ĐH duyệt ngày 14/5/2014*”. Thực hiện bản án nên 08 nguyên đơn lập “*Văn bản thỏa thuận*” ngày 30/3/2016. Nội dung: “*tự phân chia quyền sử dụng đất ruộng 10.471,3m² ông Võ Văn T được hưởng là 1.163m² thửa đất số 448 (mpt) thuộc tờ bản đồ số 10 xã Đ, huyện ĐH, tỉnh Long An. Loại đất LUC, trích đo do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện ĐH lập ngày 25/12/2015; Đất vườn tổng diện tích thực tế 3.980m² vậy ông T được hưởng 441m² bằng 1/9 của anh em thuộc tờ bản đồ số 10 xã Đ, huyện ĐH, tỉnh Long An. Loại đất CLN trích đo do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện ĐH lập ngày 25/12/2015. Đây là kỷ phần của ông Võ Văn T anh em chúng tôi đồng ý để lại cho ông Võ Văn G1 quản lý dùng tên để làm thủ tục đến khi nào ông T có nhu cầu. Bà Võ Thị C được hưởng 3.386m² thửa 448, 449 thuộc tờ bản đồ số 10. Loại đất LUC trích đo do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện ĐH lập ngày 25/12/2015; Bà Võ Thị Kim H được hưởng 1.184m² thửa đất số 405 (mpt) thuộc tờ bản đồ số 10. Loại đất LUC, trích đo do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện ĐH lập ngày 25/12/2015; **ông Võ Văn G được hưởng 1.182m² thửa đất 405 – 400 (mpt) thuộc tờ bản đồ số 10. Loại LUC, trích đo do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện ĐH lập ngày 25/12/2015;** Bà Võ Thị G3 được hưởng 1.187m² thửa đất 349 – 400 (mpt) tờ bản đồ số 10. Loại đất LUC, trích đo do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện ĐH lập ngày 25/12/2015; bà Võ Thị G4 được hưởng 1.185m² thửa đất 349 (mpt) thuộc tờ bản đồ số 10. Loại đất LUC, trích đo do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện ĐH lập ngày 25/12/2015; ông Võ Văn G1 được hưởng 1.184m² thửa đất 349 (mpt) thuộc tờ bản đồ số 10. Loại đất LUC, trích đo do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện ĐH lập ngày 25/12/2015; ông Võ Thành G2 được hưởng 1.706m² thửa đất 549 (mpt) thuộc tờ bản đồ số 10. Loại đất LUC, trích đo do Chi*

nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện ĐH lập ngày 25/12/2015; ông Võ Văn N được hưởng 1.960m² thửa đất 532 (mpt) thuộc tờ bản đồ số 10. Loại đất LUC, trích đo do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện ĐH lập ngày 25/12/2015”. Theo thỏa thuận các nguyên đơn thừa 349, 400, 405, 449, 448, 532 và 549 tờ bản đồ số 10, xã Đ, huyện ĐH, tỉnh Long An được biến động và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cụ thể tại quyết định số 2164/QĐ-UBND ngày 28 tháng 10 năm 2016 của UBND huyện ĐH về việc thu hồi và hủy bỏ 03 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà Trần Thị Kim L và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho các ông bà: Võ Thị Cam; Võ Thành G2; Võ Thị G3; Võ Thị G4; Võ Văn G; Võ Văn G1; Võ Văn N và Võ Thị Kim H, đất tọa lạc xã Đ. Nội dung quyết định “Điều 1. Thu hồi, hủy bỏ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất BC 769947, BC 769948, BC 769949 do Ủy ban nhân dân huyện ĐH cấp cho bà Trần Thị Kim L ngày 26/10/2010 tại các thửa đất 532, 549, 349, 400, 405, 448, 449 tờ bản đồ số 10 đất tọa lạc xã Đ; cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho bà Võ Thị G3, sinh năm 1952 thửa 819, 820 diện tích 1.187m² loại đất LUA; cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho ông Võ Văn N, sinh năm 1968 thửa 816, 532 diện tích 1.960m² loại đất CLN, ONT; cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho ông Võ Văn G, sinh năm 1962 thửa 822, 824 diện tích 1.182m² loại đất LUA; cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho bà Võ Thị G4, sinh năm 1957 thửa 821 diện tích 1.185m² loại đất LUA; cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho Bà Võ Thị C, sinh năm 1947 thửa 449, 823 diện tích 3.386m² loại đất LUA; cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho bà Võ Thị Kim H, sinh năm 1974 thửa 817 diện tích 1.184m² loại đất LUA; cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho ông Võ Văn G1, sinh năm 1964 thửa 814 diện tích 1.184m² loại đất LUA; cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho ông Võ Thành G2, sinh năm 1950 thửa 818 diện tích 1.706m² loại đất LUA”. Ngày 18/12/2017, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh ban hành quyết định giám đốc thẩm số 51/2017/DS-GĐT có nội dung: “Hủy toàn bộ bản án dân sự phúc thẩm số 367/2014/DSPT ngày 21/11/2014 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An và Bản án dân sự sơ thẩm số 91/2013/DSST ngày 15/7/2013 của Tòa án nhân dân huyện ĐH, tỉnh Long An về việc Tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất, hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa Bà Võ Thị C, ông Võ Văn G, ông Võ Văn G1, ông Võ Thành G2, bà Võ Thị G3, bà Võ Thị G4, ông Võ Văn N và bà Võ Thị Kim H với bị đơn là ông Võ Văn T”. Nay ông Võ Văn T khởi kiện phản tố:

1. Hủy hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất 814 tờ bản đồ số 10 xã Đ, huyện ĐH, tỉnh Long An theo Hợp đồng thế chấp số 2100336/HĐTC ngày 18/01/2021 giữa ông Võ Văn G1 và bà Huỳnh Thị E với Ngân hàng A - Chi nhánh huyện ĐH, tỉnh Long An.

2. Vô hiệu hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà Trần Thị Kim L và ông Võ Văn T thửa 349, 400, 405, 449, 448, 532 và 549 tờ bản đồ số 10, xã Đ,

huyện ĐH, tỉnh Long An do Văn phòng công chứng số 4 tỉnh Long An chứng thực ngày 15/8/2010.

3. Hủy các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC 769948, BC 769949 và BC 769947 do UBND huyện ĐH do UBND huyện ĐH cấp ngày 23/6/2010 cho bà Trần Thị Kim L.

4. Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà Võ Thị G3 diện tích 1.187m² tại các thửa 819, 820 tờ bản đồ số 10 xã Đ, huyện ĐH, tỉnh Long An. Loại đất LUA. Ngày cấp 28/10/2016.

5. Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Võ Văn N diện tích 1.960m² tại các thửa 816, 532 tờ bản đồ số 10 xã Đ, huyện

Đức Hòa, tỉnh Long An. Loại đất LUA. Ngày cấp 28/10/2016.

6. Hủy giấy chứng nhận đã cấp cho ông Võ Văn G diện tích 1.182m² thuộc các thửa 822, 824 tờ bản đồ 10 xã Đ, huyện ĐH, tỉnh Long An. Loại đất LUA. Ngày cấp 28/10/2016.

7. Hủy giấy chứng nhận đã cấp cho bà Võ Thị G4 diện tích 1.185m² thuộc thửa 821 tờ bản đồ 10 xã Đ, huyện ĐH, tỉnh Long An. Loại đất LUA. Ngày cấp 28/10/2016.

8. Hủy giấy chứng nhận đã cấp cho Bà Võ Thị C diện tích 3.386m² thửa 449, thửa 823 tờ bản đồ xã Đ, huyện ĐH, tỉnh Long An. Loại đất LUA. Ngày cấp 28/10/2016.

9. Hủy giấy chứng nhận đã cấp cho bà Võ Thị Kim H diện tích 1.184m² thửa 817 tờ bản đồ số 10 xã Đ, huyện ĐH, tỉnh Long An. Loại đất LUA. Ngày cấp 28/10/2016.

10. Hủy giấy chứng nhận đã cấp cho ông Võ Văn G1 diện tích 1.184m² thửa 814 tờ bản đồ số 10 xã Đ, huyện ĐH, tỉnh Long An. Loại đất LUA. Ngày cấp 28/10/2016.

11. Hủy giấy chứng nhận đã cấp cho ông Võ Thành G2 diện tích 1.706m² thửa 818 tờ bản đồ số 10 xã Đ, huyện ĐH, tỉnh Long An. Loại đất LUA. Ngày cấp 28/10/2016.

12. Công nhận toàn bộ các thửa 349, 400, 405, 448, 449, 532, 549 tờ bản đồ số 10 Đức Lập Thượng (thửa cũ). Các thửa 405, 448, 449, 532, 549 đổi thành các thửa mới 817, 822, 824, 819, 820, 821, 814, 818 tờ bản đồ số 10 xã Đ, huyện ĐH, tỉnh Long An. Tổng diện tích theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 14.407m² **đo thực tế là 14.578,3m²** là tài sản cụ Võ Văn N1 và cụ Nguyễn Thị R; chia đôi phần tài sản cụ N1 là 7.289,15m². Tài sản cụ R là 7.289,15m². Tài sản cụ N1 chia 10 phần bằng nhau mỗi phần 728,9m². Phần bà C, ông G và ông T cho Bà R. Phần Bà R được tổng diện tích 10.204,8m². Bà R đã cho ông T toàn bộ đất thuộc quyền sử dụng của bà. Ông T đề nghị công nhận toàn bộ diện tích 10.204,8m² thuộc quyền sử dụng ông Võ Văn T theo Hợp đồng tặng cho ngày 14/6/2008.

13. Hủy Văn bản thỏa thuận ngày 30/3/2016 giữa các ông Bà Võ Thị C, Võ Thành G2, Võ Thị G3, Võ Thị G4, Võ Văn G1, Võ Văn G, Võ Văn N và bà Võ Thị Kim H.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Kim L có yêu cầu độc lập theo đơn khởi kiện ngày 14/4/2022 trình bày: Vào ngày 15/8/2008, ông Võ Văn T có thể chấp cho bà các thửa đất 349, 400, 405, 449, 448, 532 và 549 tờ bản đồ số 10, xã Đ, huyện ĐH, tỉnh Long An để vay số tiền 350.000.000 đồng. Để làm tin thì ông Võ Văn T có và bà có ký kết hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại Phòng công chứng số 4 tỉnh Long An số chứng thực là 518, quyển số 02TP/CC-SCC/HĐGD. Bà đã giao đủ tiền cho ông T nhưng quá trình vay ông T không trả lãi theo thỏa thuận nên đến ngày 23/6/2010 bà đã sang tên toàn bộ quyền sử dụng đất nói trên. Nay bà cũng đồng ý với ý kiến của phía nguyên đơn và bị đơn về việc hủy hợp đồng chuyển nhượng nói trên giữa bà và ông T và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà nhưng bà đề nghị ông T và bà H3 phải liên đới trả cho bà tiền vốn là 350.000.000 đồng và lãi suất phát sinh theo thỏa thuận 1%/tháng từ ngày vay tính đến ngày 12/4/2022 là 878.500.000 đồng.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân xã Đ trình bày: UBND xã Đ có chứng thực hợp đồng giao dịch tặng cho quyền sử dụng đất giữa cụ Nguyễn Thị R và ông Võ Văn T vào ngày 14/6/2008. Việc chứng thực là đúng quy định, hồ sơ chứng thực do di dời trụ sở nên bị thất lạc. UBND xã Đ xin xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân huyện ĐH trình bày: Ngày 29/01/1997, UBND huyện ĐH cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho cụ Võ Văn N1 tổng diện tích là 26.898m² gồm 11 thửa tọa lạc tại xã Đ là căn cứ vào Hồ sơ xét duyệt của Hội đồng xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của xã Đ đã được thông qua tại biên bản, tờ trình của Ủy ban nhân dân xã Đ và Danh sách hộ đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại ấp Đức Ngải 2, xã Đ, huyện ĐH, tỉnh Long An (số thứ tự 89). Đối với việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho cụ Nguyễn Thị R ngày 29/5/2008 tại các thửa đất 349, 400, 405, 448, 449, 532, 549 tờ bản đồ số 10 xã Đ, huyện ĐH, tỉnh Long An. Theo hồ sơ lưu trữ thể hiện việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho cụ bà Nguyễn Thị R năm 2008 do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện ĐH cung cấp tại Văn bản số 2000/CN.VPĐKĐĐ-HCTH ngày 27/10/2021 thể hiện: Ngày 29/5/2008, UBND huyện ĐH cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho cụ R là căn cứ vào Văn bản thỏa thuận phân chia di sản của cụ Võ Văn N1 với bà Nguyễn Thị R, Võ Thị Cam, Võ Văn G và Võ Văn T được Phòng công chứng số 4 tỉnh Long An chứng thực ngày 05/4/2008. Đối với trình tự cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Văn Gờ tại thửa đất 814, ông Võ Thành G2 thửa 818, bà Võ Thị G3 thửa 819, 820; bà Võ Thị G4 thửa 821, ông Võ Văn N tại thửa 816; bà Võ Thị Kim H thửa 817; Bà Võ Thị C tại các thửa 449, 823; ông Võ Văn G tại thửa 824, 822 cùng tờ bản đồ số 10 xã Đ, huyện ĐH, tỉnh Long An. Theo hồ sơ lưu trữ thể hiện: Việc cấp giấy cho các ông bà nói trên xảy ra vào năm 2016 là thực hiện theo bản án dân sự phúc thẩm 367/2014/DS-PT ngày 21/11/2014 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An về việc tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất và hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện ĐH trình bày: Căn cứ vào hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa cụ Nguyễn Thị R với ông Võ Văn T ngày 14/6/2008 do UBND xã Đ chứng thực nên

việc chỉnh lý chủ quyền đất các thửa 349, 400, 405, 448, 449, 532, 549 tờ bản đồ số 10 xã Đ, huyện ĐH, tỉnh Long An diện tích 14.407m² từ bà Nguyễn Thị R sang ông Võ Văn T đứng tên là đúng trình tự theo quy định pháp luật.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Phòng công chứng số 4 tỉnh Long An (nay là Văn phòng công chứng Võ Văn N2) trình bày: Đối với việc chứng thực “*Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế*” số 1196, quyền số 05 ngày 05/4/2008 do công chứng viên Trần Văn Châu ký. Trình tự công chứng đúng quy định, Văn bản thỏa thuận được niêm yết công khai tại UBND xã Đ, những người thừa kế cam kết khai đúng sự thật họ là những người thừa kế hợp pháp, không che giấu người hưởng thừa kế...Đối với việc chứng thực Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Võ Văn T, bà Châu Hồng H1 sang bà Trần Thị Kim L tại các thửa đất 349, 400, 405, 448, 449, 532, 549 tờ bản đồ số 10 xã Đ, huyện ĐH, tỉnh Long An diện tích 14.407m² nhưng đo thực tế là **10.471,3m²** đúng trình tự theo quy định pháp luật. Ngoài ra vào ngày 18/01/2021, ông Võ Văn G1 cùng vợ là bà Huỳnh Thị E đã đến Văn phòng công chứng Võ Văn N2 yêu cầu công chứng hợp đồng thế chấp thửa đất số 505, 814 tờ bản đồ số 10 tọa lạc tại xã Đ, huyện ĐH, tỉnh Long An cho Ngân hàng A – Chi nhánh huyện ĐH, Long An. Khi đến công chứng các ông bà đã xuất trình đầy đủ giấy tờ cần thiết và được Công chứng viên giải thích rõ về nội dung hợp đồng và đồng ý ký tên, điểm chỉ vào hợp đồng. Do đó Văn phòng công chứng Võ Văn N2 chứng thực hợp đồng trên là đúng quy định và xin xét xử vắng mặt.

Vụ án đã được Tòa án các cấp giải quyết như sau:

Tại Bản án dân sự sơ thẩm (lần 1) số 91/2013/DSST ngày 15/7/2013 của Tòa án nhân dân huyện ĐH, tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn yêu cầu hủy “*Văn bản thỏa thuận phân chia di sản*” do Phòng công chứng số 4 tỉnh Long An ký chứng thực ngày 05/4/2008. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn về việc chia thừa kế quyền sử dụng đất đối với phân di sản của cha là ông Võ Văn N1 để lại là 7.203m² tại các thửa 448, 532, 549; một phần thửa 449, tờ bản đồ số 10, ấp Đức Ngãi 2, xã Đ. Chia thừa kế quyền sử dụng đất cho 08 nguyên đơn Võ Thị Cam, Võ Văn G, Võ Văn G1, Võ Thị G3, Võ Thành G2, Võ Thị G4, Võ Thị Kim H, Võ Văn N được nhận diện tích 7.203m², gồm tại thửa 549 là 4020m²; tại thửa 532 diện tích 127m²; thửa 448 là 2199m², đất tại một phần thửa 449 là 857m².

Bà Trần Thị Kim L được quản lý sử dụng diện tích còn lại là 7204m² tại các thửa 349, 400, 405 và một phần thửa 449 (còn diện tích 1341m²), tờ bản đồ số 10, ấp Đức Ngãi 2, xã Đ, trong giấy chứng nhận số BC 769949 của UBND huyện ĐH cấp ngày 26/10/2020. Đối với quyền sử dụng đất diện tích 7204m² này, nếu ông Võ Văn T và bà Trần Thị Lượng có tranh chấp sẽ được giải quyết trong vụ án khác.

Bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí đo đạc định giá, án phí và quyền kháng cáo, quyền yêu cầu thi hành án.

Bản án chưa có hiệu lực pháp luật.

Ngày 29/7/2013, các nguyên đơn kháng cáo không đồng ý bản án sơ thẩm.

Ngày 09/8/2013, đại diện bị đơn kháng cáo không đồng ý bản án sơ thẩm.

Tại bản án dân sự phúc thẩm (lần 1) số 367/2014/DS-PT ngày 21/11/2014 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An, tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn. Hủy “Văn bản thỏa thuận phân chia di sản” do Phòng công chứng số 4 tỉnh Long An ký chứng thực ngày 05/4/2008. Hủy các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 7722100, AM 7722101, AM 7722102 cùng ngày 28/5/2008 do UBND huyện ĐH cấp cho cụ Nguyễn Thị R có tổng diện tích đất là 14.407m² tại các thửa 349, 400, 405, 449, 448, 532, 549, tờ bản đồ số 10, ấp Đức Ngãi 2, xã Đ. Hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa cụ R với ông T ngày 14/6/2008 được UBND xã Đ chứng thực ngày 14/6/2008. Hủy thủ tục chỉnh lý; Hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Võ Văn T, bà Châu Thị Hồng Hạnh với bà Trần Thị Kim L xác lập ngày 15/8/2009. Hủy quyết định số 13654/QĐ-UBND ngày 26/10/2010 và các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC 769947, BC 769948, BC 769949 do UBND huyện ĐH cấp cho bà Trần Thị Kim L.

Giao quyền sử dụng bằng 8/9 di sản gồm các thửa đất 349, 400, 405, 449, 448, 532, 549, tờ bản đồ số 10, ấp Đức Ngãi 2, xã Đ có diện tích đo đạc thực tế là 14.578 m² cho các nguyên đơn do được thừa kế theo pháp luật di sản của các cụ Võ Văn N1 và Nguyễn Thị R. Còn lại 1/9 di sản thuộc kỹ phần của ông Võ Văn T thì các đương sự tiếp tục quản lý. Nếu sau này ông T yêu cầu sẽ được giải quyết bằng vụ án khác nếu thời hiệu khởi kiện vẫn còn.

Vị trí theo trích đo địa chính do Công ty TNHH đo đạc Nhà đất HP thực hiện ngày 24/3/2014, được Phòng Tài nguyên Môi trường huyện ĐH duyệt ngày 27/5/2014.

Bản án còn tuyên về chi phí đo đạc, định giá; án phí và quyền yêu cầu thi hành án.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật.

Thực hiện bản án, 08 nguyên đơn lập “Văn bản thỏa thuận” ngày 30/3/2016 tự phân chia quyền sử dụng 14.578 m² đất cho các ông bà Võ Thị G3, Võ Văn N, Võ Thị G4, Võ Thị Kim H, Võ Văn G1, Võ Thành G2, Võ Thị Cam, Võ Văn G và Võ Văn T.

Tại Báo cáo số 43/BC-VKS ngày 05/02/2015 của Viện kiểm sát nhân dân đề nghị kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm đối với bản án dân sự phúc thẩm số 367/2014/DS-PT ngày 21/11/2014 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An theo hướng hủy bản án phúc thẩm số 367/2014/DS-PT ngày 21/11/2014 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An và bản án dân sự sơ thẩm số 91//2013/DSST ngày 15/7/2013 của Tòa án nhân dân huyện ĐH. Giao hồ sơ về Tòa án nhân dân huyện ĐH xét xử theo thủ tục chung.

Ngày 13/4/2015, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Kim L có Đơn đề nghị gửi Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Tối cao đề nghị xem xét kháng nghị bản án phúc thẩm số 367/2014/DS-PT ngày 21/11/2014 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An theo thủ tục Giám đốc thẩm.

Tại Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 135/QĐKNGĐT-VKS-DS ngày 08/9/2017 của Viện kiểm sát nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đối với bản án số 367/2014/DS-PT ngày 21/11/2014 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An:

Đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao xét xử giám đốc thẩm hủy bản án dân sự sơ thẩm số 91//2013/DSST ngày 15/7/2013 của Tòa án nhân dân huyện ĐH, tỉnh Long An và bản án dân sự phúc thẩm số 367/2014/DS-PT ngày 21/11/2014 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An. Giao hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm xét xử lại theo quy định. Tạm đình chỉ thi hành bản án dân sự phúc thẩm số 367/2014/DS-PT ngày 21/11/2014 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An cho đến khi có Quyết định giám đốc thẩm.

Quyết định giám đốc thẩm số 51/2017/DS-GĐT ngày 18/12/2017 của Tòa án nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 91/2013/DSST ngày 15/7/2013 của Tòa án nhân dân huyện ĐH, tỉnh Long An và bản án dân sự phúc thẩm số 367/2014/DS-PT ngày 21/11/2014 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An với nhận định: Diện tích 14.407m² đất là tài sản chung của cụ N1, cụ R. Cụ N1 chết không để lại di chúc, do đó phần di sản của cụ N1 để lại 1/2 của diện tích 14.407m² là 7023m² đất. Ngày 05/4/2008 cụ R và ba người con là bà C, ông G, ông T lập “Văn bản phân chia di sản” tại Phòng công chứng số 4 cho cụ R được hưởng toàn bộ diện tích đất 14.407m², trong đó có 7023m² đất là di sản thừa kế của cụ N1 mà không có ý kiến của người con còn lại. Do đó, “Văn bản phân chia di sản” chỉ có hiệu lực một phần đối với 1/2 diện tích đất là phần của cụ R và phần mà cụ R và ba người con là Cam, Gó, Tờ được hưởng di sản từ cụ N1. Việc cụ R tặng cho ông T toàn bộ diện tích 14.407m² cũng chỉ có hiệu lực một phần. Tòa án cấp sơ thẩm chia thừa kế cho 08 người con (do ông T từ chối nhận di sản) được hưởng 7023m² đất là di sản của cụ N1 và Tòa án cấp phúc thẩm cho rằng “Văn bản phân chia di sản” là lừa dối do không có ý kiến của 06 người con còn lại nên vô hiệu toàn bộ, theo đó hợp đồng tặng cho đất giữa cụ R và ông T cũng vô hiệu là không đúng. Về yêu cầu phản tố của bị đơn đối với hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng 14.407m² đất giữa ông T và bà Lượng; căn cứ lời khai giữa các bên và “Giấy cam kết” ngày 15/8/2009 giữa bà Lượng và ông T thể hiện số tiền mà bà Lượng giao cho ông T thực chất là hợp đồng vay nợ giữa các bên mà không phải là tiền chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông T và bà Lượng là hợp đồng giả cách che giấu hợp đồng vay tài sản giữa ông T và bà Lượng nên hợp đồng bị vô hiệu. Tòa án cấp phúc thẩm tuyên hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông T và bà Lượng là không đúng, phải xác định hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông T và bà Lượng bị vô hiệu mới đúng quy định của pháp luật.

Ngày 21/5/2018, Tòa án nhân dân huyện ĐH thụ lý lại vụ án.

Tòa án nhân dân huyện ĐH hòa giải nhưng các bên không thỏa thuận được.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 209/2022/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện ĐH.

Căn cứ khoản Điều 100, Điều 166 Luật Đất đai năm 2013; Điều 466, Điều 468, Điều 649, Điều 650, Điều 660, Điều 651, Điều 623, Điều, Điều 468, Điều 459, Điều 500, Điều 501, Điều 502 và Điều 615 Bộ luật dân sự 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn ông Võ Văn N, ông Võ Thành G2, bà Võ Thị G3, Võ Thị G4 và Võ Thị Kim H về việc “*Tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất; hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất, hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và hủy văn bản công chứng*” với ông Võ Văn T.

1.1. Các ông bà Võ Văn N, ông Võ Thành G2, bà Võ Thị G3, Võ Thị G4, Võ Văn G1 và Võ Thị Kim H mỗi người được thừa hưởng di sản cụ Võ Văn N1 là 728,9m². Giữ nguyên quyền sử dụng đất cho các ông bà Võ Thành G2, Võ Thị G3, Võ Thị G4, Võ Văn G1, Võ Văn N và Võ Thị Kim H theo quyết định cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 2164/QĐ-UBND ngày 28 tháng 10 năm 2016 của UBND huyện ĐH. Các ông bà có nghĩa vụ hoàn trả lại trị giá đất đã nhận vượt so với 728,9m² (được hưởng) cho ông Võ Văn T.

1.2. Vô hiệu một phần “*Văn bản thỏa thuận phân chia di sản*” ngày 05/4/2008 do Phòng công chứng số 4, tỉnh Long An chứng thực giữa các ông Bà Võ Thị C, Võ Văn T, Võ Văn G và Nguyễn Thị R số chứng thực 1196, quyển số 01 TP/CC – SCC/TK đối với phần thừa kế Võ Văn N, ông Võ Thành G2, bà Võ Thị G3, Võ Thị G4, Võ Văn G1 và Võ Thị Kim H mỗi người 728,9m².

1.3. Vô hiệu một phần hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa bà Nguyễn Thị R với ông Võ Văn T ngày 14/6/2008 được UBND xã Đ chứng thực tại các thửa 349, 400, 405, 449, 448, 532 và 549 tờ bản đồ số 10, xã Đ, huyện ĐH, tỉnh Long An đối với phần thừa kế Võ Văn N, ông Võ Thành G2, bà Võ Thị G3, Võ Thị G4, Võ Văn G1 và Võ Thị Kim H mỗi người 728,9m².

1.4. Công nhận một phần tính hợp pháp của Văn bản thỏa thuận ngày 30/3/2016 giữa các ông Bà Võ Thị C, Võ Thành G2, Võ Thị G3, Võ Thị G4, Võ Văn G1, Võ Văn G, Võ Văn N và bà Võ Thị Kim H đối với phần di sản cụ Võ Văn N1 chia thừa kế Võ Văn N, ông Võ Thành G2, bà Võ Thị G3, Võ Thị G4, Võ Văn G1 và Võ Thị Kim H mỗi người 728,9m².

1.5. Vô hiệu hợp đồng chuyển nhượng giữa bà Trần Thị Kim L với ông Võ Văn T ngày 15/8/2009 do Văn phòng công chứng số 4 tỉnh Long An chứng thực các thửa 349, 400, 405, 449, 448, 532 và 549 tờ bản đồ số 10, xã Đ, huyện ĐH, tỉnh Long An. Hậu quả việc vô hiệu: ông T phải trả bà Lượng 878.500.000 đồng.

2. Chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Võ Văn T về việc yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất diện tích 10.204,8m² theo Hợp đồng tặng cho ngày 14/6/2008 giữa và Nguyễn Thị R và ông Võ Văn T.

2.1. Buộc bà Võ Thị G3 trả lại cho ông Võ Văn T là 415.221.840 đồng (Bốn trăm mười lăm triệu hai trăm hai mươi một ngàn tám trăm bốn mươi đồng).

2.2. Buộc ông Võ Văn G1 trả cho ông Võ Văn T là 412.502.640 đồng (Bốn trăm mười hai triệu năm trăm lẻ hai ngàn sáu trăm bốn mươi đồng).

2.3. Buộc bà Võ Thị G4 trả ông Võ Văn T 413.409.040 đồng (Bốn trăm mười ba triệu bốn trăm lẻ chín ngàn không trăm bốn mươi đồng).

2.4. Buộc ông Võ Thành G2 phải trả cho ông Võ Văn T 885.643.440 đồng (Tám trăm tám mươi lăm triệu sáu trăm bốn mươi ba ngàn bốn trăm bốn mươi đồng).

2.5. Buộc ông Võ Văn N trả cho ông Võ Văn T là 1.115.869.040 đồng (Một tỷ một trăm mười lăm triệu tám trăm sáu mươi chín ngàn không trăm bốn mươi đồng).

2.6. Buộc bà Võ Thị Kim H phải trả cho ông Võ Văn T 412.502.640 đồng (Bốn trăm mười hai triệu năm trăm lẻ hai ngàn sáu trăm bốn mươi đồng).

2.7. Buộc Bà Võ Thị C phải giao lại cho ông Võ Văn T 3.386m² thuộc thửa 449 và 823 tờ bản đồ số 10 xã Đ, huyện ĐH, tỉnh Long An.

2.8. Ông Võ Văn T được kê khai đăng ký đất phần đất Bà Võ Thị C trả lại 3.386m² là thửa 449 và thửa 823 tờ bản đồ số 10 xã Đ và phần ông được Bà R tặng cho diện tích 1.164m² thuộc thửa 448, tờ bản đồ số 10, xã Đ. Vị trí đất tại Khu A, B tại Mảnh trích đo địa chính do Công ty TNHH đo đạc Nhà đất HP lập được Phòng tài nguyên và môi trường huyện ĐH duyệt ngày 27/5/2014 (Phần đất thửa 449 và 823 dựa trên Mảnh trích đo do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện ĐH lập ngày 25/12/2015). (Tại thời điểm tuyên án do Công ty TNHH đo đạc Nhà đất TN trích đo phân khu ngày 30/9/2022 các thửa 448, 449 và 823 tờ bản đồ số 10 xã Đ căn cứ vào Mảnh trích đo địa chính do Công ty TNHH đo đạc Nhà đất HP lập được Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện ĐH duyệt ngày 27/5/2014 và Mảnh trích đo do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện ĐH lập ngày 25/12/2015).

2.9. Buộc Võ Văn G phải giao lại cho ông Võ Văn T 1.182m² thuộc thửa 822 và 824 tờ bản đồ số 10 xã Đ, huyện ĐH, tỉnh Long An. Vị trí đất đính kèm trích đo phân khu do Công ty TNHH đo đạc Nhà đất TN lập ngày 30/9/2022 căn cứ trên Mảnh trích đo do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện ĐH lập ngày 25/12/2015 và Mảnh trích đo địa chính do Công ty TNHH đo đạc nhà đất HP lập được Phòng tài nguyên và môi trường huyện ĐH duyệt ngày 27/5/2014.

2.10. Ông Võ Văn T được quyền sử dụng thửa 549 tờ bản đồ số 10 xã Đ diện tích 441m². Loại đất LNK. Vị trí đất đính kèm Mảnh trích đo phân khu do công ty TNHH nhà đất TN lập ngày 30/9/2022 căn cứ trên Mảnh trích đo do Công ty TNHH đo đạc nhà đất HP lập được Phòng tài nguyên và môi trường huyện ĐH duyệt ngày 27/5/2014.

2.11. Không chấp nhận yêu cầu của ông Võ Văn T về việc Hủy hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất 814 tờ bản đồ số 10 xã Đ, huyện ĐH, tỉnh Long An theo Hợp đồng thế chấp số 2100336/HĐTC ngày 18/01/2021 giữa ông Võ Văn G1 và bà Huỳnh Thị E với Ngân hàng A- Chi nhánh huyện ĐH, tỉnh Long An.

3. Chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Trần Thị Kim L về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” với ông Võ Văn T.

Buộc ông Võ Văn T phải trả lại cho bà Trần Thị Kim L 878.500.000 đồng (Tám trăm bảy mươi tám triệu năm trăm ngàn đồng).

4. Về chi phí đo đạc, thẩm định, định giá và trích lục: Tổng chi phí 22.600.000 đồng (Hai mươi hai triệu sáu trăm ngàn đồng). Các ông bà Võ Thành G2, Võ Thị G3, Võ Thị G4, Võ Văn G1, Võ Văn N và bà Võ Thị Kim H mỗi người phải chịu 1.130.000 đồng (Một triệu một trăm ba mươi ngàn đồng). Tổng cộng 6.780.000 đồng (Sáu triệu bảy trăm tám mươi ngàn đồng). Số tiền này khấu trừ vào số tiền 2.600.000 đồng (đã tạm ứng trước đây). Như vậy các ông Bà Võ Thị C, Võ Thành G2, Võ Thị G3, Võ Thị G4, Võ Văn G1, Võ Văn G, Võ Văn N và bà Võ Thị Kim H liên đới nộp 4.180.000 đồng hoàn trả ông T. Ông Võ Văn T phải chịu 15.820.000 đồng (Mười lăm triệu tám trăm hai mươi ngàn đồng).

5. Áp dụng khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tính lãi chậm thi hành tất cả số tiền trên.

6. Về án phí dân sự sơ thẩm:

6.1. Các ông Bà Võ Thị C, ông Võ Văn G, ông Võ Thành G2, bà Võ Thị G3, bà Võ Thị G4 được miễn án phí.

Các ông bà Võ Thị Kim H, Võ Văn G1, Võ Văn N mỗi người phải chịu 660.674 án phí dân sự phần nhận tài sản thừa kế;

Các ông bà Võ Thị Kim H, Võ Văn G1, Võ Văn N liên đới nộp 900.000 đồng án phí dân sự không có giá ngạch.

Án phí trả tài sản cho ông T: bà Võ Thị Kim H phải nộp 20.500.000 đồng, Võ Văn G1 phải nộp 20.500.000 đồng, Võ Văn N phải nộp 45.476.071 đồng.

Như vậy bà Hoa nộp tổng cộng 660.674 đồng + 300.000 đồng + 20.500.000 đồng = 21.460.674 đồng án phí dân sự sơ thẩm sung vào Ngân sách Nhà nước. Ông Võ Văn G1 nộp tổng cộng 660.674 đồng + 300.000 đồng + 20.500.000 đồng = 21.460.674 đồng án phí dân sự sơ thẩm sung vào Ngân sách Nhà nước; ông Võ Văn N nộp tổng cộng 660.674 đồng + 300.000 đồng + 45.476.071 đồng = 46.436.745 đồng án phí dân sự sơ thẩm sung vào Ngân sách Nhà nước Số tiền mỗi người Võ Thị Kim H, Võ Văn G1, Võ Văn N được khấu trừ vào số tiền mỗi người đã đóng tại Chi cục thi hành án huyện ĐH là 4.486.138 đồng theo quyết định thi hành án số 661/QĐ-CCTHA ngày 25/12/2014 được khấu trừ vào án phí. Bà Hoa và ông Gờ mỗi người còn phải nộp tiếp 16.974.536 đồng, ông N còn phải nộp tiếp 41.950.607 đồng.

Hoàn lại cho các ông Bà Võ Thị C, ông Võ Văn G, ông Võ Thành G2, bà Võ Thị G3, bà Võ Thị G4 mỗi người 4.486.138 đồng theo các biên lai số 0002172 ngày 25/12/2014, biên lai số 0002380 ngày 28/01/2015 tại Chi cục thi hành án huyện ĐH và theo quyết định thi hành án số 661/QĐ-CCTHA ngày 25/12/2014.

Hoàn lại cho ông Võ Thành G2, và Võ Thị G3 và Võ Văn N 900.000 đồng theo các biên lai 0011621, 0011622, 0011619 cùng ngày 18/8/2022.

6.2. Ông Võ Văn T phải nộp 900.000 đồng án phí dân sự không có giá ngạch và 38.355.000 đồng án phí trả tiền bà Lượng. Tổng cộng là 39.255.000 đồng. Số tiền này khấu trừ vào số tiền 400.000 đồng tại biên lai số 0002382 ngày 28/01/2015 của Chi cục thi hành án huyện ĐH và 1.200.000 đồng theo các biên lai số 0011622 ngày 18/8/2022, 0011629 ngày 19/8/2022, 0011278 ngày 08/7/2022 và 0011407 ngày 01/8/2022. Như vậy ông T còn phải nộp tiếp 37.655.000 đồng.

6.3. Hoàn lại cho bà Trần Thị Kim L 19.177.500 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0010099 ngày 14/4/2022 tại Chi cục thi hành án huyện ĐH.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền và nghĩa vụ thi hành án, quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 14/10/2022 nguyên đơn ông Võ Thành G2, bà Võ Thị G3, ông Võ Văn N làm đơn kháng cáo không đồng ý toàn bộ bản án sơ thẩm. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn.

Ngày 17/10/2022, bị đơn ông Võ Văn T làm đơn kháng cáo không đồng ý toàn bộ bản án sơ thẩm. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận các yêu cầu phản tố của bị đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự không thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Võ Thành G2, bà Võ Thị G3, ông Võ Văn N là ông Nguyễn H trình bày không đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa cụ Nguyễn Thị R với ông Võ Văn T ngày 14/6/2008 được UBND xã Đ chứng thực vì tại thời điểm ký hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất cho ông T, cụ R đã già yếu, mắt kém, tay run, tinh thần không còn minh mẫn. Đồng thời công nhận tính hợp pháp của Văn bản thỏa thuận ngày 30/3/2016 được ký tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện ĐH, tỉnh Long An giữa các ông Bà Võ Thị C, Võ Thành G2, Võ Thị G3, Võ Thị G4, Võ Văn G1, Võ Văn G, Võ Văn N và bà Võ Thị Kim H.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Võ Văn T là ông Nguyễn Văn T1 trình bày không đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn; chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của bị đơn (13 yêu cầu). Tổng diện tích theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 14.407m² **đo thực tế là 14.578,3m²** là tài sản cụ Võ Văn N1 và cụ Nguyễn Thị R; chia đôi phần tài sản cụ N1 là 7.289,15m², tài sản cụ R là 7.289,15m². Tài sản cụ N1 chia 10 phần bằng nhau mỗi phần 728,9m²; phần bà C, ông G và ông T tặng cho Bà R, như vậy phần Bà R được tổng diện tích 10.204,8m². Bà R đã cho ông T toàn bộ đất thuộc quyền sử dụng của bà nên ông T đề nghị công nhận toàn bộ diện tích 10.204,8m² thuộc quyền sử dụng của ông Võ Văn T theo Hợp đồng tặng cho ngày 14/6/2008. Ông T yêu cầu các nguyên đơn trả lại đất đã nhận thừa theo kỷ phần thừa kế được hưởng, ông T không đồng ý nhận giá trị bằng tiền. Đối với yêu cầu độc lập của bà Trần Thị Kim Lượng về việc yêu cầu ông T trả số tiền nợ vay và tiền lãi là 878.500.000 đồng, ông đại diện ông T đồng ý trả nợ cho bà Lượng. Tuy nhiên Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông T phải chịu án phí đối với phần này là không đúng. Ông Tiết đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm đối với phần này: Ghi nhận sự tự nguyện của ông T trong việc hoàn trả 878.500.000 đồng cho bà Lượng để ông T không phải chịu án phí đối với phần này. Về phần chi phí tố tụng: Buộc ông T phải chịu 15.820.000 đồng chi phí tố tụng là không chính xác, ảnh hưởng đến quyền lợi của ông T. Ông Tiết đề nghị đại diện Viện kiểm sát kiến nghị chuyển hồ sơ vụ án sang Cơ quan Điều tra truy tố hành vi ra bản án trái pháp luật của Hội đồng xét xử sơ thẩm Tòa án nhân dân huyện ĐH.

Ông Nguyễn Hữu Tr là Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn ông Võ Văn T trình bày: Đối với 08 yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn, bị đơn không đồng ý. Tại Quyết định Giám đốc thẩm số 51/2017/QĐ-GĐT ngày 18/12/2017 hủy bản án phúc thẩm số 367/2014/DS-PT ngày 21/11/2014 của TAND tỉnh Long An và bản án sơ thẩm số 91/2013/DS-ST ngày 15/7/2013 của TAND huyện ĐH và giao hồ sơ vụ án cho TAND huyện ĐH xét xử lại vụ án. Ngày 21/5/2018, TAND huyện ĐH thụ lý lại vụ án. Ngày 18/01/2021, ông Võ Văn G1, bà Huỳnh Thị E với Ngân hàng A, chi nhánh huyện ĐH, Long An ký hợp đồng thế chấp số 2100336/HĐTC đối với thửa đất số 814, tờ bản đồ số 10, đất tọa lạc tại xã

Đ, huyện ĐH, tỉnh Long An. Ngày 20/01/2021, bà Võ Thị G4 lập hợp đồng chuyển nhượng thửa đất số 821, tờ bản đồ số 10, xã Đ cho ông Võ Văn G1 do Văn phòng công chứng Trần Hữu Thành công chứng ngày 20/01/2021, số công chứng 508, quyền số 01/TP/CC-SCC/HĐGD. Việc các đương sự thế chấp và chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 814, 821, tờ bản đồ số 10, đất tọa lạc tại xã Đ, huyện ĐH trong thời gian Tòa án thụ lý vụ án là vi phạm điểm b khoản 1 Điều 188 Luật đất đai năm 2013. Các yêu cầu khác của nguyên đơn cũng không có căn cứ. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chấp nhận các yêu cầu phản tố của bị đơn.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc chấp hành pháp luật trong giai đoạn xét xử phúc thẩm cho rằng: Toà án cấp phúc thẩm và các đương sự chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, kháng cáo trong thời hạn luật định, hợp lệ nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Xét kháng cáo của các nguyên đơn ông Võ Thành G2, bà Võ Thị G3, ông Võ Văn N, thấy rằng: Căn cứ Quyết định Giám đốc thẩm số 51/2017/QĐ-GĐT ngày 18/12/2017 hủy bản án phúc thẩm số 367/2014/DS-PT ngày 21/11/2014 của TAND tỉnh Long An và bản án sơ thẩm số 91/2013/DS-ST ngày 15/7/2013 của TAND huyện ĐH và giao hồ sơ vụ án cho TAND huyện ĐH xét xử lại vụ án. Tòa án Cấp cao nhận định: Diện tích 14.407m² đất là tài sản chung của cụ N1 và cụ R, cụ N1 chết không để lại di chúc, do đó phần di sản của cụ N1 để lại 1/2 của diện tích 14.407m² là 7023m² đất. Ngày 05/4/2008 cụ R và ba người con là bà C, ông G, ông T lập “Văn bản phân chia di sản” tại Phòng công chứng số 4 cho cụ R được hưởng toàn bộ diện tích đất 14.407m², trong đó có 7023m² đất là di sản thừa kế của cụ N1 mà không có ý kiến của 06 người con còn lại. Do đó, “Văn bản phân chia di sản” chỉ có hiệu lực một phần đối với 1/2 diện tích đất là phần tài sản của cụ R và 03 kỷ phần của ba người con là bà C, ông G, ông T; không có hiệu lực đối với phần mà các ông bà Võ Thành G2, Võ Thị G3, Võ Thị G4, Võ Văn G1, Võ Văn N, Võ Thị Kim H được hưởng của cụ N1 mỗi người 728,9m². Bản án sơ thẩm đã xét xử phù hợp với quy định của pháp luật, đã xem xét đầy đủ các quan hệ pháp luật tranh chấp, chi phí tố tụng, án phí. Do đó, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của các nguyên đơn.

Xét kháng cáo của bị đơn ông Võ Văn T, thấy rằng: Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông T chịu chi phí tố tụng đối với phần diện tích đất được chia là phù hợp. Về án phí trả nợ cho bà Lượng: Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông T phải trả cho bà Lượng số tiền 878.500.000 đồng nên ông T phải chịu 38.355.000 đồng án phí là đúng. Do đó, kháng cáo của bị đơn là không có căn cứ chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông G2, bà G3, ông N và ông T, giữ y bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện ĐH.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của các nguyên đơn ông Võ Thành G2, bà Võ Thị G3, ông Võ Văn N và bị đơn ông Võ Văn T được thực hiện đúng quy định tại Điều 272 Bộ luật Tố tụng dân sự và được gửi đến Tòa án trong thời hạn quy định tại Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Các nguyên đơn Bà Võ Thị C, ông Võ Văn G, ông Võ Văn G1, ông Võ Thành G2, bà Võ Thị G3, bà Võ Thị G4, ông Võ Văn N, bà Võ Thị Kim H khởi kiện; bị đơn ông Võ Văn T có yêu cầu phản tố; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Kim L có yêu cầu độc lập về việc “Tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất; hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất; hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất; hợp đồng vay tài sản và hủy văn bản công chứng”. Bị đơn cư trú tại huyện ĐH và các thửa đất tranh chấp tọa lạc tại huyện ĐH nên Tòa án nhân dân huyện ĐH thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[3] Về sự vắng mặt của các đương sự: Các nguyên đơn Bà Võ Thị C, ông Võ Văn G, ông Võ Văn G1 đã được Tòa án tổng đạt thủ tục hợp lệ hai lần; nguyên đơn bà Võ Thị Kim H có đơn xin xét xử vắng mặt. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn xin vắng mặt và không có yêu cầu gì trong vụ án. Căn cứ Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử.

[4] Về thời hiệu khởi kiện: Cụ Võ Văn N1 chết năm 2007 và cụ Nguyễn Thị R, chết năm 2010; các nguyên đơn khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế được Tòa án thụ lý lần đầu năm 2011 là còn trong thời hiệu khởi kiện.

[5] Xem xét các tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập và lời trình bày của các bên đương sự, thấy rằng: Bản án sơ thẩm đã xác định đúng phạm vi xét xử, về thời điểm mở thừa kế, về hàng thừa kế của cụ N1 gồm cụ R và 09 người con là Bà Võ Thị C, ông Võ Văn G, ông Võ Văn G1, ông Võ Thành G2, bà Võ Thị G3, bà Võ Thị G4, ông Võ Văn N, ông Võ Văn T, bà Võ Thị Kim H. Ngoài ra, cụ N1, cụ R không có con riêng nào khác. Cụ N1 và cụ R không có con nuôi, không có cha mẹ nuôi; cha mẹ của cụ N1, cụ R đã chết. Khi còn sống, cụ N1 và cụ R có tạo lập được tài sản chung là 14.407m² **do thực tế là 14.578,3m² tại các thửa 349, 400, 405, 448, 449, 532, 549 tờ bản đồ số 10, xã Đ, huyện ĐH, tỉnh Long An.** Cụ N1 chết năm 2007; ngày 05/4/2008, cụ R cùng 03 người con là Cam, Gó và Tờ lập “*Văn bản thỏa thuận phân chia di sản*” tại Phòng công chứng số 4, tỉnh Long An để cho cụ R đứng tên toàn bộ 14.407m² **do thực tế là 14.578,3m²** còn thiếu 06 người con còn lại nên Văn bản này chỉ có hiệu lực phần của bà C, ông G, ông T và cụ R.

Tòa án cấp sơ thẩm đã phân chia thừa kế đất như sau: diện tích 14.407m² **do thực tế là 14.578,3m²** thuộc các thửa 349, 400, 405, 448, 449, 532, 549 tờ bản đồ số 10 xã Đ, huyện ĐH, tỉnh Long An chia đôi cụ N1 $\frac{1}{2}$ với diện tích là 7.289,15m²; của cụ R $\frac{1}{2}$ là 7.289,15m². Tài sản cụ N1 chia 10 phần bằng nhau mỗi phần 728,9m²; phần bà C, ông G và ông T tặng cho cụ R nên phần cụ R được tổng diện tích 10.204,8m². Cụ R đã cho ông T toàn bộ đất thuộc quyền sử dụng của cụ. Phần cụ N1 chia 10 phần mỗi phần là 728,9m², 06 người không ký tên trong “*Văn bản thỏa thuận phân chia di sản*” ngày 05/4/2008 thì mỗi người một phần gồm: ông Võ Thành G2; bà Võ Thị G3; bà Võ Thị G4; ông Võ Văn G1; ông Võ Văn N và bà Võ Thị Kim H. **Phần bà C, ông T và ông G tặng cho lại cụ R** nên không được hưởng. Các ông bà Ga, Go, Gá, Gờ, Nờ và Hoa đã nhận đất dư so với kỷ phần được hưởng nên thôi hoàn giá trị bằng tiền cho ông T. Buộc bà C và ông G trả lại đất cho ông T. Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên một số yêu cầu khác của các đương sự, chi phí tố tụng, án phí, quyền kháng cáo và quyền yêu cầu thi hành án. Các nguyên đơn ông Võ Thành G2, bà Võ Thị G3, ông Võ Văn N và bị đơn ông Võ Văn T kháng cáo.

[6] Xét kháng cáo của các nguyên đơn ông Võ Thành G2, bà Võ Thị G3, ông Võ Văn N yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy hợp đồng tặng cho ngày 14/6/2008 giữa cụ Nguyễn Thị R với ông Võ Văn T được Ủy ban nhân dân xã Đ chứng thực; công nhận tính hợp pháp của Văn bản thỏa thuận ngày 30/3/2016 được ký tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện ĐH, tỉnh Long An giữa các ông Bà Võ Thị C, Võ Thành G2, Võ Thị G3, Võ Thị G4, Võ Văn G1, Võ Văn G, Võ Văn N và bà Võ Thị Kim H, thấy rằng:

[6.1] Căn cứ Quyết định giám đốc thẩm số 51/2017/DS-GĐT ngày 18/12/2017 của Tòa án nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 91//2013/DSST ngày 15/7/2013 của Tòa án nhân dân huyện ĐH, tỉnh Long An và bản án dân sự phúc thẩm số 367/2014/DS-PT ngày 21/11/2014 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An đã nhận định: Diện tích 14.407m² đất là tài sản chung của cụ N1, cụ R. Cụ N1 chết không để lại di chúc, do đó phần di sản của cụ N1 để lại 1/2 của diện tích 14.407m² là 7023m² đất. Ngày 05/4/2008 cụ R và ba người con là bà C, ông G, ông T lập “Văn bản phân chia di sản” tại Phòng công chứng số 4 cho cụ R được hưởng toàn bộ diện tích đất 14.407m², trong đó có 7023m² đất là di sản thừa kế của cụ N1 mà không có ý kiến của 06 người con còn lại. Do đó, “Văn bản phân chia di sản” chỉ có hiệu lực một phần đối với ½ diện tích đất là phần tài sản của cụ R và 03 kỹ phần của ba người con là bà C, ông G, ông T; không có hiệu lực đối với phần mà các ông bà Võ Thành G2, Võ Thị G3, Võ Thị G4, Võ Văn G1, Võ Văn N, Võ Thị Kim H được hưởng của cụ N1 mỗi người 728,9m².

[6.2] Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm nhận định tài sản cụ N1 và cụ R thuộc các thửa 349, 400, 405, 448, 449, 532, 549 tờ bản đồ số 10, xã Đ, huyện ĐH, tỉnh Long An theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 14.407m², đo đạc thực tế là 14.578,3m²; loại đất LUA; chia đôi phần tài sản cụ N1 là 7.289,15m²; tài sản cụ R là 7.289,15m². Tài sản cụ N1 chia 10 phần bằng nhau mỗi phần 728,9m²; phần bà C, ông G và ông T tặng cho cụ R. Phần cụ R được tổng diện tích 10.204,8m². Cụ R đã tặng cho ông T toàn bộ đất thuộc quyền sử dụng của cụ. Tuy nhiên hiện nay đất được cấp giấy cho các ông bà: Võ Thị G3 diện tích 1.187m², loại đất LUA tại các thửa 819, 820, tờ bản đồ số 10, xã Đ; ông Võ Văn N diện tích 1.960m² tại các thửa 816 (diện tích 1833m², loại đất CLN); thửa 532 (diện tích 127m², loại đất ONT), tờ bản đồ số 10, xã Đ; bà Võ Thị G4 diện tích 1.185m², loại đất LUA thuộc thửa 821, tờ bản đồ 10, xã Đ, huyện ĐH, tỉnh Long An; bà Võ Thị Kim H diện tích 1.184m², loại đất LUA, thuộc thửa 817, tờ bản đồ số 10, xã Đ; ông Võ Văn G1 diện tích 1.184m², loại đất LUA, thửa 814, tờ bản đồ số 10, xã Đ; ông Võ Thành G2 diện tích 1.706m², loại đất CLN, thửa 818, tờ bản đồ số 10, xã Đ nên cần giữ nguyên thửa cho các ông bà G3, Nờ, Gá, Hoa, Ga và Gờ và buộc các ông bà này hoàn trả lại giá trị đất bằng tiền phần vượt quá 728,9m² cho ông T là phù hợp, bởi vì:

Căn cứ Điều 9 Quyết định số 42/2021/QĐ-UBND ngày 18/10/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Long An quy định:

1. Thửa đất nông nghiệp mới được hình thành do tách thửa và thửa đất còn lại sau khi tách thửa có diện tích tối thiểu là 1000m² đối với khu vực các xã thuộc địa bàn các huyện: Đức Huệ, Thạnh Hóa, Tân Thạnh, Mộc Hóa, Vĩnh Hưng, Tân Hưng; các xã: Bình Đức, Thạnh Lợi, Thạnh Hòa, Lương Hòa, Lương Bình và Tân Hòa

thuộc địa bàn huyện Bến Lức; các xã: Mỹ Thạnh, Mỹ Lạc, Long Thạnh, Tân Long, Long Thuận, Tân Thành, Mỹ An, Bình An thuộc địa bàn huyện Thủ Thừa.

2. Thửa đất nông nghiệp mới được hình thành do tách thửa và thửa đất còn lại đối với các khu vực còn lại sau khi tách thửa có diện tích tối thiểu là 1000m² đối với đất trồng lúa và đất rừng sản xuất; 500m² đối với các loại đất nông nghiệp còn lại.

[6.3] Riêng phần Bà Võ Thị C, ông Võ Văn G đã tặng cho quyền sử dụng đất cho cụ R nhưng theo Văn bản thỏa thuận ngày 30/3/2016, nhưng các nguyên đơn vẫn thỏa thuận chia cho bà C 3386m² đất; chia cho ông G 1182m² đất. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm buộc Bà Võ Thị C phải giao lại cho ông Võ Văn T 3.386m² thuộc thửa 449 và 823 tờ bản đồ số 10 xã Đ, huyện ĐH, tỉnh Long An; ông Võ Văn G phải giao lại cho ông Võ Văn T 1.182m² thuộc thửa 822 và 824 tờ bản đồ số 10 xã Đ, huyện ĐH, tỉnh Long An. Ông T được kê khai đăng ký phần thửa 449 tờ bản đồ số 10 xã Đ diện tích 1.164 m² và thửa 549 tờ bản đồ số 10 xã Đ diện tích 441m² là có căn cứ.

Do đó, kháng cáo của các nguyên đơn ông Võ Thành G2, bà Võ Thị G3, ông Võ Văn N là không có căn cứ nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Xét kháng cáo của bị đơn ông Võ Văn T:

[7.1] Đối với yêu cầu các nguyên đơn trả lại đất đã nhận thừa theo kỷ phần thừa kế được hưởng, ông T không đồng ý nhận giá trị bằng tiền, thấy rằng:

Theo Hợp đồng tặng cho ngày 14/6/2008, ông Võ Văn T được cụ Nguyễn Thị R tặng cho 10.204,8m² là phù hợp với quy định của pháp luật. Tuy nhiên, các bà G3, ông N, bà Gá, bà Hoa, ông G2, ông Gò đã được Ủy ban nhân dân huyện ĐH cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 28/10/2016 căn cứ bản án phúc thẩm số 367/2014/DS-PT ngày 21/11/2014 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An nên Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà Võ Thị G3 trả giá trị quyền sử dụng 458,1m² đất nhận thừa là 415.221.840 đồng; buộc ông Võ Văn G1 trả giá trị quyền sử dụng 455,1m² đất nhận thừa là 412.502.640 đồng; buộc bà Võ Thị G4 trả giá trị quyền sử dụng 456,1m² đất nhận thừa là 413.409.040 đồng; buộc ông Võ Văn Ga trả giá trị quyền sử dụng 977,1m² đất nhận thừa là 885.643.440 đồng; buộc ông Võ Văn N trả giá trị quyền sử dụng 1231,1m² đất nhận thừa là 1.115.869.040 đồng; buộc bà Võ Thị Hoa trả giá trị quyền sử dụng 455,1m² đất nhận thừa là 412.502.640 đồng là phù hợp với Điều 9 Quyết định số 42/2021/QĐ-UBND ngày 18/10/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Long An quy định về điều kiện tách thửa đất, hợp thửa đất và diện tích tối thiểu được tách thửa đối với thửa đất ở và đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn tỉnh Long An, nên kháng cáo của ông T yêu cầu các nguyên đơn nêu trên trả lại diện tích đất còn thừa không được chấp nhận. Do đó, các yêu cầu phản tố của bị đơn là không có căn cứ nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7.2] Đối với kháng cáo của bị đơn cho rằng ông T đồng ý trả cho bà Lượng số tiền 878.500.000 đồng theo yêu cầu của bà Lượng nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không ghi nhận sự tự nguyện của ông T để ông T không phải chịu án phí, thấy rằng:

Tại khoản 8 Điều 26 của Nghị quyết số 326//2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án quy định: “Trường hợp các bên đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án

tại phiên tòa sơ thẩm thì các đương sự vẫn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm như trường hợp xét xử vụ án đó”. Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 30/9/2022, ông Tiết đại diện cho ông T đồng ý trả cho bà Lương số tiền 878.500.000 đồng nên Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông T phải chịu 38.355.000 đồng án phí là phù hợp.

[7.3] Đối với kháng cáo của bị đơn rằng chi phí tố tụng là 22.600.000 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm buộc các ông bà Ga, Go, Gá, Gờ, Nờ và Hoa mỗi người chịu 1.130.000 đồng; trong khi đó buộc ông T phải chịu 15.820.000 đồng là không phù hợp, thấy rằng: Ông Võ Văn T được cụ Nguyễn Thị R tặng cho 10.204,8m² đất (trong đó có ½ tài sản của cụ R và phần bà C, ông G, ông T mỗi người tặng cho cụ R 728,9m² đất); các ông bà Ga, Go, Gá, Gờ, Nờ và Hoa mỗi người được hưởng một kỹ phần 728,9m² đất. Do đó, chi phí tố tụng 22.600.000 đồng ông T phải chịu đối với phần mà ông T được hưởng tương ứng số tiền 15.820.000 đồng là phù hợp. Do đó kháng cáo của bị đơn về chi phí tố tụng là không có căn cứ chấp nhận.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[8] Từ những nhận định trên, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn và bị đơn.

[9] Đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[10] Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Võ Thành G2, bà Võ Thị G3 được miễn nộp án phí; ông Võ Văn N, ông Võ Văn T phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của các nguyên đơn ông Võ Thành G2, bà Võ Thị G3, ông Võ Văn N.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Võ Văn T do ông Nguyễn Văn T1 đại diện theo ủy quyền.

Giữ y Bản án dân sự sơ thẩm số 209/2022/DS-ST ngày 30/9/2022 của Tòa án nhân huyện DH, tỉnh Long An.

Căn cứ các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 91, Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ khoản Điều 100, Điều 166 Luật Đất đai năm 2013; Điều 466, Điều 468, Điều 649, Điều 650, Điều 660, Điều 651, Điều 623, Điều, Điều 468, Điều 459, Điều 500, Điều 501, Điều 502 và Điều 615 Bộ luật dân sự 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn ông Võ Văn N, ông Võ Thành G2, bà Võ Thị G3, Võ Thị G4 và Võ Thị Kim H về việc “Tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất; hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất; hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất; hợp đồng vay tài sản và hủy văn bản công chứng” với ông Võ Văn T.

1.1. Các ông bà Võ Văn N, ông Võ Thành G2, bà Võ Thị G3, Võ Thị G4, Võ Văn G1 và Võ Thị Kim H mỗi người được thừa hưởng di sản cụ Võ Văn N1 là 728,9m². Giữ nguyên quyền sử dụng đất cho các ông bà Võ Thành G2, Võ Thị G3, Võ Thị G4, Võ Văn G1, Võ Văn N và Võ Thị Kim H theo quyết định cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 2164/QĐ-UBND ngày 28 tháng 10 năm 2016 của UBND huyện ĐH. Các ông bà có nghĩa vụ hoàn trả lại trị giá đất đã nhận vượt so với 728,9m² (được hưởng) cho ông Võ Văn T.

1.2. Vô hiệu một phần “Văn bản thỏa thuận phân chia di sản” ngày 05/4/2008 do Phòng công chứng số 4, tỉnh Long An chứng thực giữa các ông Bà Võ Thị C, Võ Văn T, Võ Văn G và Nguyễn Thị R số chứng thực 1196, quyển số 01 TP/CC – SCC/TK đối với phần thừa kế Võ Văn N, ông Võ Thành G2, bà Võ Thị G3, Võ Thị G4, Võ Văn G1 và Võ Thị Kim H mỗi người 728,9m².

1.3. Vô hiệu một phần hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa bà Nguyễn Thị R với ông Võ Văn T ngày 14/6/2008 được UBND xã Đ chứng thực tại các thửa 349, 400, 405, 449, 448, 532 và 549 tờ bản đồ số 10, xã Đ, huyện ĐH, tỉnh Long An đối với phần thừa kế Võ Văn N, ông Võ Thành G2, bà Võ Thị G3, Võ Thị G4, Võ Văn G1 và Võ Thị Kim H mỗi người 728,9m².

1.4. Công nhận một phần tính hợp pháp của Văn bản thỏa thuận ngày 30/3/2016 giữa các ông Bà Võ Thị C, Võ Thành G2, Võ Thị G3, Võ Thị G4, Võ Văn G1, Võ Văn G, Võ Văn N và bà Võ Thị Kim H đối với phần di sản cụ Võ Văn N1 chia thừa kế Võ Văn N, ông Võ Thành G2, bà Võ Thị G3, Võ Thị G4, Võ Văn G1 và Võ Thị Kim H mỗi người 728,9m².

1.5. Vô hiệu hợp đồng chuyển nhượng giữa bà Trần Thị Kim L với ông Võ Văn T ngày 15/8/2009 do Văn phòng công chứng số 4 tỉnh Long An chứng thực các thửa 349, 400, 405, 449, 448, 532 và 549 tờ bản đồ số 10, xã Đ, huyện ĐH, tỉnh Long An. Hậu quả việc vô hiệu: Ông T phải trả cho bà Lượng 878.500.000 đồng.

2. Chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Võ Văn T về việc yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất diện tích 10.204,8m² theo Hợp đồng tặng cho ngày 14/6/2008 giữa và Nguyễn Thị R và ông Võ Văn T.

3. Về nghĩa vụ hoàn trả khoản tiền chênh lệch giá trị kỷ phần thừa kế được xác định như sau:

3.1. Buộc bà Võ Thị G3 trả lại cho ông Võ Văn T là 415.221.840 đồng (Bốn trăm mười lăm triệu hai trăm hai mươi một ngàn tám trăm bốn mươi đồng).

3.2. Buộc ông Võ Văn G1 trả cho ông Võ Văn T là 412.502.640 đồng (Bốn trăm mười hai triệu năm trăm lẻ hai ngàn sáu trăm bốn mươi đồng).

3.3. Buộc bà Võ Thị G4 trả ông Võ Văn T 413.409.040 đồng (Bốn trăm mười ba triệu bốn trăm lẻ chín ngàn không trăm bốn mươi đồng).

3.4. Buộc ông Võ Thành G2 trả cho ông Võ Văn T 885.643.440 đồng (Tám trăm tám mươi lăm triệu sáu trăm bốn mươi ba ngàn bốn trăm bốn mươi đồng).

3.5. Buộc ông Võ Văn N trả cho ông Võ Văn T là 1.115.869.040 đồng (Một tỷ một trăm mười lăm triệu tám trăm sáu mươi chín ngàn không trăm bốn mươi đồng).

3.6. Buộc bà Võ Thị Kim H phải trả cho ông Võ Văn T 412.502.640 đồng (Bốn trăm mười hai triệu năm trăm lẻ hai ngàn sáu trăm bốn mươi đồng).

3.7. Buộc Bà Võ Thị C phải giao lại cho ông Võ Văn T 3.386m² thuộc thửa 449 và 823 tờ bản đồ số 10 xã Đ, huyện ĐH, tỉnh Long An.

3.8. Ông Võ Văn T được kê khai đăng ký đất phần đất Bà Võ Thị C trả lại 3.386m² là thửa 449 và thửa 823 tờ bản đồ số 10 xã Đ và phần ông được Bà R tặng cho diện tích 1.164m² thuộc thửa 448. Tờ bản đồ số 10, xã Đ. Vị trí đất tại Khu A, B tại Mảnh trích đo địa chính do Công ty TNHH đo đạc Nhà đất HP lập được Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện ĐH duyệt ngày 27/5/2014 (phần đất thửa 449 và 823 dựa trên Mảnh trích đo do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện ĐH lập ngày 25/12/2015). (tại thời điểm tuyên án do Công ty TNHH đo đạc Nhà đất TN trích đo phân khu ngày 30/9/2022 các thửa 448, 449 và 823 tờ bản đồ số 10 xã Đ căn cứ vào Mảnh trích đo địa chính do Công ty TNHH đo đạc Nhà đất HP lập, được Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện ĐH duyệt ngày 27/5/2014 và Mảnh trích đo do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện ĐH lập ngày 25/12/2015).

3.9. Buộc Võ Văn G phải giao lại cho ông Võ Văn T 1.182m² thuộc thửa 822 và 824 tờ bản đồ số 10 xã Đ, huyện ĐH, tỉnh Long An. Vị trí đất đính kèm trích đo phân khu do Công ty TNHH đo đạc Nhà đất TN lập ngày 30/9/2022 căn cứ trên Mảnh trích đo do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện ĐH lập ngày 25/12/2015 và Mảnh trích đo địa chính do Công ty TNHH đo đạc nhà đất HP lập, được Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện ĐH duyệt ngày 27/5/2014.

3.10. Ông Võ Văn T được quyền sử dụng thửa 549 tờ bản đồ số 10 xã Đ diện tích 441m². Loại đất LNK. Vị trí đất đính kèm Mảnh trích đo phân khu do công ty TNHH nhà đất TN lập ngày 30/9/2022 căn cứ trên Mảnh trích đo do Công ty TNHH đo đạc nhà đất HP lập, được Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện ĐH duyệt ngày 27/5/2014.

3.11. Không chấp nhận yêu cầu của ông Võ Văn T về việc Hủy hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất 814 tờ bản đồ số 10 xã Đ, huyện ĐH, tỉnh Long An theo Hợp đồng thế chấp số 2100336/HĐTC ngày 18/01/2021 giữa ông Võ Văn G1 và bà Huỳnh Thị E với Ngân hàng A - Chi nhánh huyện ĐH, tỉnh Long An.

4. Chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Trần Thị Kim L về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” với ông Võ Văn T.

Buộc ông Võ Văn T phải trả lại cho bà Trần Thị Kim L 878.500.000 đồng (Tám trăm bảy mươi tám triệu năm trăm ngàn đồng).

5. Về chi phí đo đạc, thẩm định, định giá và trích lục: Tổng chi phí 22.600.000 đồng (Hai mươi hai triệu sáu trăm ngàn đồng). Các ông bà Võ Thành G2, Võ Thị G3, Võ Thị G4, Võ Văn G1, Võ Văn N và bà Võ Thị Kim H mỗi người phải chịu 1.130.000 đồng (Một triệu một trăm ba mươi ngàn đồng). Tổng cộng 6.780.000 đồng (Sáu triệu bảy trăm tám mươi ngàn đồng). Số tiền này khấu trừ vào số tiền 2.600.000 đồng (đã tạm ứng trước đây). Như vậy các ông Bà Võ Thị C, Võ Thành G2, Võ Thị G3, Võ Thị G4, Võ Văn G1, Võ Văn G, Võ Văn N và bà Võ Thị Kim H liên đới nộp 4.180.000 đồng hoàn trả ông T. Ông Võ Văn T phải chịu 15.820.000 đồng (Mười lăm triệu tám trăm hai mươi ngàn đồng).

6. Áp dụng khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tính lãi chậm thi hành án tất cả số tiền trên.

7. Về án phí dân sự sơ thẩm:

7.1. Các ông Bà Võ Thị C, ông Võ Văn G, ông Võ Thành G2, bà Võ Thị G3, bà Võ Thị G4 được miễn án phí.

Các ông bà Võ Thị Kim H, Võ Văn G1, Võ Văn N mỗi người phải chịu 30.427.000 đồng án phí dân sự phần nhận tài sản thừa kế;

Các ông bà Võ Thị Kim H, Võ Văn G1, Võ Văn N liên đới nộp 900.000 đồng án phí dân sự không có giá ngạch.

Án phí trả tài sản cho ông T: bà Võ Thị Kim H phải nộp 20.500.000 đồng, Võ Văn G1 phải nộp 20.500.000 đồng, Võ Văn N phải nộp 45.476.071 đồng.

Như vậy bà Hoa nộp tổng cộng 30.427.000 đồng + 300.000 đồng + 20.500.000 đồng = 51.227.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm sung vào Ngân sách Nhà nước. Ông Võ Văn G1 nộp tổng cộng 30.427.000 đồng + 300.000 đồng + 20.500.000 đồng = 51.227.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm sung vào Ngân sách Nhà nước; ông Võ Văn N nộp tổng cộng 30.427.000 đồng + 300.000 đồng + 45.476.071 đồng = 76.203.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm sung vào Ngân sách Nhà nước. Số tiền mỗi người: Bà Võ Thị Kim H, ông Võ Văn G1, ông Võ Văn N được khấu trừ vào số tiền mỗi người đã đóng tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện ĐH là 4.486.138 đồng theo Quyết định thi hành án số 661/QĐ-CCTHA ngày 25/12/2014 được khấu trừ vào án phí. Bà Hoa và ông Gờ mỗi người còn phải nộp tiếp 46.741.000 đồng, ông N còn phải nộp tiếp 71.717.000 đồng.

Hoàn lại cho các ông Bà Võ Thị C, ông Võ Văn G, ông Võ Thành G2, bà Võ Thị G3, bà Võ Thị G4 mỗi người 4.486.138 đồng theo các biên lai số 0002172 ngày 25/12/2014, biên lai số 0002380 ngày 28/01/2015 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện ĐH và theo quyết định thi hành án số 661/QĐ-CCTHA ngày 25/12/2014.

Hoàn lại cho ông Võ Thành G2, bà Võ Thị G3 và ông Võ Văn N 900.000 đồng theo các biên lai 0011621, 0011622, 0011619 cùng ngày 18/8/2022.

7.2. Ông Võ Văn T phải nộp 900.000 đồng án phí dân sự không có giá ngạch và 38.355.000 đồng án phí trả tiền bà Lượng, tổng cộng là 39.255.000 đồng. Số tiền này khấu trừ vào số tiền 400.000 đồng tại biên lai số 0002382 ngày 28/01/2015 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện ĐH và 1.200.000 đồng theo các biên lai số 0011622 ngày 18/8/2022, 0011629 ngày 19/8/2022, 0011278 ngày 08/7/2022 và 0011407 ngày 01/8/2022. Như vậy ông T còn phải nộp tiếp 37.655.000 đồng.

7.3. Hoàn lại cho bà Trần Thị Kim L 19.177.500 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0010099 ngày 14/4/2022 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện ĐH.

8. Về án phí dân sự phúc thẩm:

8.1. Ông Võ Thành G2, bà Võ Thị G3 được miễn nộp án phí.

8.2. Ông Võ Văn N phải chịu 300.000 đồng án phí. Chuyển 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000302, ngày 14/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện ĐH, tỉnh Long An sang thi hành án phí.

8.3. Ông Võ Văn T phải chịu 300.000 đồng án phí. Chuyển 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000326, ngày 17/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện ĐH, tỉnh Long An sang thi hành án phí.

9. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

10. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Tp.HCM;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện ĐH;
- Chi cục THADS huyện ĐH;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Thị Ngọc Yến